TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/DS-ST
Ngày: 25-9-2017.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản (hụi).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đời.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tùng.

2. Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản (hụi) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lương Văn Đ**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp T, xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông **Trần Văn M** (vắng mặt).

Bà **Đỗ Thị B**, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1987 (có mặt).

- Bà **Lương Thị Hằng N**, sinh năm 1989 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/7/2017, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa ông Huỳnh Văn L trình bày:

Ông Lương Văn Đ có mở và làm chủ hai dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất giá 1.000.000 đồng, hụi mở ngày 15/01/2015 âm lịch, hụi gồm 47 phần, khui vào ngày 15 âm lịch hàng tháng. Ông M và bà B tham gia 01 phần hụi, ông M và bà B hốt hụi vào lần khui hụi thứ 5, vào ngày 15/5/2015 âm lịch, khi hốt ông Đ đã giao hụi đầy đủ cho bà B và ông M. Sau khi hốt hụi, ông M và bà B còn phải đóng lại 42 lần hụi chết.

Dây hụi thứ hai giá 300.000 đồng, hụi mở ngày 30/8/2015 âm lịch, gồm 60 phần, hụi khui ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, ông M và bà B tham gia 02 phần hụi. Ông M và bà B hốt hụi vào ngày 15/9/2015 âm lịch và ngày 30/9/2015 âm lịch. Sau khi hốt hụi, ông M và bà B còn phải đóng 57 lần hụi chết.

Sau khi hốt hụi, hàng tháng, ông M và bà B phải đóng tổng cộng 2.200.000 đồng tiền hụi chết. Nhưng ông M và bà B đóng hụi không đầy đủ cho ông Đ và còn nợ lại số tiền như sau:

Từ tháng 6/2016 đến tháng 7/2016 âm lịch ông M và bà B nợ 800.000 đồng.

Từ ngày 15/8/2016 đến ngày 30/10/2016 âm lịch ông M và bà B nợ 6.600.000 đồng.

Từ ngày 15/11/2016 đến ngày 30/4/2017 âm lịch ông M và bà B nợ 7.200.000 đồng.

Từ ngày 15/5/2017 đến ngày 01/6/2017 âm lịch (tháng sáu trước) ông M và bà B nợ 4.400.000 đồng.

Như vậy, đến ngày 01/6/2017 âm lịch (tháng sáu trước) ông M và bà B còn nợ số tiền hụi là 19.000.000 đồng. Hai dây hụi trên đến nay chưa mãn.

Ông Lương Văn Đ yêu cầu ông Trần Văn M và bà Đỗ Thị B trả số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/8/2017 và tại phiên tòa bà Đỗ Thị B trình bày: Bà thừa nhận bà có tham gia chơi hai dây hụi do ông Lương Văn Đ làm chủ. Dây hụi thứ

nhất giá 1.000.000 đồng, gồm 47 phần hụi, bà tham gia 01 phần hụi và dây hụi thứ hai giá 300.000 đồng, gồm 60 phần hụi, bà tham gia 02 phần hụi. Cả 03 phần hụi trong hai dây hụi trên bà đã hốt. Bà còn nợ tiền hụi chết của ông Đ tổng cộng đến ngày 01/6/2017 âm lịch (tháng sáu trước) là 19.000.000 đồng đúng như ông L trình bày.

Đối với giao dịch hụi là do bà tự tham gia, bà tham gia chơi thì chỉ giao dịch hụi trực tiếp với ông Trần Văn L và bà Lương Thị Hằng N, không giao dịch trực tiếp với ông Đ, ông Trần Văn M là chồng bà không biết việc trên, số tiền hốt hụi bà chi xài cá nhân ông M không hề biết. Nay bà đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng cho ông Lương Văn Đ, không yêu cầu ông M liên đới trách nhiệm trả nợ cùng bà.

Ông Trần Văn L trình bày*:* Hụi là do ông Lương Văn Đ làm chủ hụi, ông và bà N là con chỉ đứng ra gom hụi dùm cho cha là ông Đ, số nợ trên là nợ của ông Đ.

Bà Lương Thị Hằng N: Bà là vợ của ông Trần Văn L và là con của ông Lương Văn Đ, đối với hai dây hụi 1.000.000 đồng và 300.000 đồng do bà Đỗ Thị B tham gia chơi tổng cộng 03 phần hụi là do ông Đ làm chủ hụi, vợ chồng bà chỉ đứng ra gom hụi dùm ông Đ, số tiền bà B nợ 19.000.000 đồng là nợ của ông Đ.

Ông Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng ông M vắng mặt không lý do, đồng thời không cung cấp lời khai, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản – hụi là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

Xét qua tài liệu chứng cứ, lời trình bày của đương sự thì ông Đ và bà B thống nhất với nhau về giao dịch hụi và toàn bộ lượng nợ. Chỉ khác nhau về cách thanh lý.

Ông Đ yêu cầu bà B và ông M trả số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng tính đến ngày 01/6/2017 âm lịch (tháng sáu trước). Bà B thống nhất lượng nợ và đồng ý tự chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu ông M liên đới nghĩa vụ trả nợ. Do đó có căn cứ buộc bà B trả toàn bộ số nợ trên cho ông Đ là phù hợp thực tế.

Đối với ông M không cung cấp chứng cứ, không khai báo, không phản bác, không phản tố về việc khởi kiện yêu cầu trả nợ của ông Đ, nhưng bà B cho rằng số tiền hốt hụi là do bà chi tiêu cá nhân, ông M không hay biết và không sử dụng chung trong gia đình. Lời trình bày của bà B như trên là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, quan hệ hôn nhân của ông M và bà B vẫn đang tồn tại, bà B không chứng minh được việc bà sử dụng số tiền vào mục đích cá nhân. Do hôn nhân còn tồn tại bình thường, làm kinh tế gia đình là làm chung, không có căn cứ chứng minh làm kinh tế độc lập giữa ông M và bà B. Nay xét buộc ông M phải liên đới nghĩa vụ với bà B để trả toàn bộ số nợ cho ông Đ là phù hợp thực tế.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đỗ Thị B và ông Trần Văn M phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lương Văn Đ, buộc ông Trần Văn M và bà Đỗ Thị B phải trả cho ông Lương Văn Đ 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) tiền nợ hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đỗ Thị B và ông Trần Văn M phải chịu 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng), ông Lương Văn Đ được hoàn

lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006639 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Đời